TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST Ngày 20-02-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải;

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1978; nơi cư trú: TDP Vừng, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng (nay là TDP Đông Tiến, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1977; nơi ĐKHKTT: TDP Vừng, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng (nay là TDP Đông Tiến, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; hiện ở tại: Australia (Úc); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn chị Đoàn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 3 năm 2001. Hôn lễ của anh chị được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục Việt Nam. Sau khi kết hôn, chị N có về chung sống cùng gia đình anh H tại số 19, Lý Thánh Tông, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Đến tháng 8 năm 2003, vợ chồng anh chị có mua nhà ra ở riêng tại địa chỉ Tổ dân phố Vừng, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố Đông Tiến, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì lớn trong khoảng thời gian năm năm đầu. Từ năm 2006, do công việc làm ăn của anh H không thuận lợi nên quan hệ vợ chồng cũng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã và đỉnh điểm là vào năm 2019, anh H đã bỏ mẹ con chị để về ở cùng bố mẹ sống. Từ thời gian đó đến nay, chị và anh H không có liên lạc gì với nhau nữa, anh H hiện ở đâu làm gì chị cũng không biết. Thông qua bố mẹ của anh H chị được biết từ tháng 2 năm 2020, anh H đã đi sang Úc du lịch và đến nay chưa về Việt Nam, anh H vẫn thường xuyên gọi điện về cho bố mẹ của anh H nhưng bố mẹ của anh H cũng không biết cụ thể địa chỉ của anh H hiện đang ở đâu. Chị cho rằng anh H cố tình giấu địa chỉ và không muốn cho chị biết hiện nay anh H đang ở đâu. Nay, vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H để hai bên giải phóng cho nhau, mỗi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Quốc H có hai con chung là cháu Nguyễn Đăng H sinh ngày 28 tháng 01 năm 2003 và cháu Nguyễn Phương N sinh ngày 02 tháng 10 năm 2007. Hiện cháu Nguyễn Đăng H đã đủ tuổi trưởng thành, đầy đủ năng lực dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Phương N: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Nguyễn Phương N vẫn ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Phương N cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyễn Phương N trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Nguyễn Quốc H phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc H hiện đang ở Úc. Nguyên đơn chị N chỉ cung cấp được địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam của anh H mà không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Thông qua ông Nguyễn Đăng Chẩn và bà Lê Thị Thanh Sơn là bố đẻ của anh Nguyễn Quốc H được biết ông và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với anh H nhưng không cung cấp địa chỉ nơi cư trú của anh H tại Úc. Ông bà

đã thông báo cho anh H biết việc chị N xin ly hôn, anh H không có ý kiến gì. Các văn bản của Tòa án, ông bà nhận và có trách nhiệm giao cho anh H.

Tại phiên toà, chị Đoàn Thị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Quốc H. Anh Nguyễn Quốc H vắng mặt và không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Đoàn Thị N và bị đơn anh Nguyễn Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị Đoàn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Quốc H vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Quốc H là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Quốc H không có hạnh phúc, hiện mỗi người sống một nước, không có khả năng đoàn tụ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị N. Về con chung: Chị và anh Nguyễn Quốc H có hai con chung là cháu Nguyễn Đăng H sinh ngày 28 tháng 01 năm 2003 và cháu Nguyễn Phương N sinh ngày 02 tháng 10 năm 2007. Hiện cháu Nguyễn Đăng H đã đủ tuổi trưởng thành, đầy đủ năng lực dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Phương N: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Nguyễn Phương N vẫn ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Phương N cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét đề nghị của chị Đoàn Thị N là phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị Đoàn Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí và các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đoàn Thị N có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Quốc H. Chị N cư trú tại Hải Phòng. Anh Nguyễn Quốc H hiện đang cư trú ở nước ngoài. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Đoàn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Quốc H hiện đang sinh sống ở nước ngoài, chị Đoàn Thị N chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của của anh Nguyễn Quốc H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Quốc H ở nước ngoài. Ông Nguyễn Đăng Chẩn và bà Lê Thị Thanh Sơn là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Quốc H đã xác nhận anh Nguyễn Quốc H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, tuy nhiên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng gia đình anh Nguyễn Quốc H không cung cấp được địa chỉ, tin tức của anh Nguyễn Quốc H cho Tòa án, anh Nguyễn Quốc H cũng không gửi lời khai về cho Tòa án, nên coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Quốc H.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Quốc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 3 năm 2001. Theo quy định tại Điều 9, 10 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Quốc H hiện mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, do vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị N về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

[4] Về con chung: Chị và anh Nguyễn Quốc H có hai con chung là cháu Nguyễn Đăng H sinh ngày 28 tháng 01 năm 2003 và cháu Nguyễn Phương N sinh ngày 02 tháng 10 năm 2007. Hiện cháu Nguyễn Đăng H đã đủ tuổi trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Phương N: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Nguyễn Phương N vẫn ở cùng chị, chị N vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dậy con tốt. Anh Nguyễn Quốc H hiện ở nước ngoài. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Nguyễn Phương N sinh ngày 02 tháng 10 năm 2007 cho chị Đoàn Thị N nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Đoàn Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phương N sinh ngày 02 tháng 10 năm 2007 cho chị Đoàn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đoàn Thị N là nguyên đơn phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0000682 ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đoàn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Đoàn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Quốc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải **Vũ Thị Minh Nguyệt** **Bùi Thị Thúy Hà**